

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2024/HSST
Ngày 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Duyên

Bà Nông Thị Thu Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Lục Đức Long – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 145/2024/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1, Nông Văn D sinh ngày: 29 tháng 4 năm 1990 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn M (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1950; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024, hiện nay đang giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố C; có mặt.

2, Nông Đức H sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1995 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: tổ C, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Bá C, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1969; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024, hiện nay đang giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố C; có mặt.

3, Lý Minh C1 sinh ngày: 09 tháng 12 năm 1990 tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú: tổ H, phường T, quận L, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Ích L1, sinh năm 1955 và bà Hà Thị Đ (đã chết); có vợ là Hoàng Thị V, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024, hiện nay đang giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 25/3/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố C phối hợp với Công an phường S tiến hành kiểm tra nhà số G, tổ I, phường S phát hiện tại phòng ngủ trên tầng 2 từ cầu thang đi lên bên tay trái có 03 (Ba) người gồm Nông Văn D (sinh năm 1990; trú tại: tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Nông Đức H (sinh năm 1995; trú tại: tổ C, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Lý Minh C1 (sinh năm 1990; trú tại: tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) **đang sử dụng trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:** 01 (Một) đĩa sứ tròn màu trắng trên đĩa có một ít chất bột màu trắng còn vương vãi. Tổ công tác đã tiến hành thu gom số chất bột màu trắng trên vào trong 01 (Một) túi nilon màu trắng có khóa viền màu đỏ và niêm phong lại trong 01 (Một) phong bì thư dán kín (ký hiệu QT01); 01 (Một) chiếc thẻ ngân hàng A màu xanh có tên NONG VAN DUNG, 01 (Một) ống hút được cuộn tròn bằng tiền Việt Nam mệnh giá 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng); có 03 (Ba) đầu lọc thuốc lá màu vàng bọc 03 (Ba) đoạn đầu, đuôi và giữa của ống hút (ký hiệu QT02); 01 (Một) vỏ bao thuốc lá màu vàng đen bên ngoài có ghi chữ "White horse" đã bị xé rách, 01 (Một) gói nilon trong suốt (ký hiệu QT03); 02 (Hai) điện thoại di động và 02 xe mô tô.

Hồi 02 giờ 40 phút ngày 26/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng chất bột màu trắng thu giữ là 1,115g (Một phẩy một một năm gam).

Bản kết luận giám định số 221/KL-KTHS ngày 01/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: *"mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine."*

Quá trình điều tra Nông Văn D, Nông Đức H và Lý Minh C1 đều khai nhận: khoảng 17 giờ ngày 25/3/2024, D, H, C1 cùng uống nước tại một quán nước ở khu vực N, phường H, thành phố C. Trong khi uống nước, cả 3 cùng bàn bạc thống nhất với nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng chung. H lấy điện thoại

của mình sử dụng ứng dụng telegram gọi cho một người lạ hỏi mua 03 “viên kẹo” và 01 chỉ “ke” thì được người đó báo giá 500.000/01 viên “kẹo” và 4.000.000đ/01 chỉ “ke”, tổng số tiền cho 03 viên “kẹo” và 01 chỉ “ke” là 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), H đồng ý và người đàn ông đó hẹn gặp H ở đầu cầu B. Sau đó Hoàng báo lại cho D và C1 biết và cả ba người thống nhất sẽ chia đều số tiền mua ma túy, do bản thân chưa có tiền nên C1 nhờ D và H trả trước và mình sẽ trả tiền sau thì D và H đồng ý.

Sau đó H đưa cho D 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) rồi điều khiển xe mô tô của H chở D đến quán Đ1 ở phường S để D cầm cố chiếc điện thoại của D lấy 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), góp với số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) do H đưa tại quán nước được số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*) rồi H điều khiển xe mô tô chở D đến chỗ hẹn với người bán ma túy tại đầu cầu B.

Khi đến chỗ hẹn, D đưa cho người bán ma túy số tiền 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), người này cầm tiền rồi điều khiển xe ô tô đi đâu đó, khoảng 05 phút sau gọi cho H thông báo ma túy được cất trong 01 (*Một*) bao thuốc lá và để tại gần cổng trường Trung học phổ thông thành phố C. H điều khiển xe mô tô chở D đến khu vực cổng trường Trung học phổ thông thành phố C để tìm ma túy. D tìm được 01 bao thuốc lá có chữ “White horse”, bên trong có 03 viên “kẹo” và một túi nilon chứa “ke”. Sau đó D và H đi vào nhà D ở đối diện cổng trường trung học phổ thông thành phố C tại số nhà G, tổ I, phường S và đi lên phòng ngủ của D tại tầng 2. Vào đến phòng, D lấy điện thoại của H gọi cho C1 thông báo đã mua được ma túy và bảo C1 đến cùng sử dụng, D và H mỗi người lấy 01 (*Một*) viên “kẹo” sử dụng bằng cách nuốt trực tiếp vào cơ thể, sau đó để 01 (*Một*) viên “kẹo” còn lại trên bàn trong phòng rồi D xuống dưới bếp lấy lên 01 (*Một*) chiếc đĩa sứ, sau đó lấy 01 (*Một*) thẻ ATM đưa cho H để Hoàng trộn đều ketamine, còn D lấy 01 tờ tiền 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) cuộn lại thành ống hút và để trên bàn.

Sau khi trộn ketamine xong, H lấy ống hút do D vừa cuộn xong sử dụng một ít “ke” rồi lên giường nằm nghe nhạc, D cũng tự lấy ống hút và sử dụng “ke”, sau đó nằm trên giường nghe nhạc. Khoảng 15 phút sau, C1 đến đi vào phòng D thấy trên bàn có 01 (*Một*) viên “kẹo” và đĩa “ke” nên đã tự sử dụng “kẹo” và “ke”, sau đó nằm trên giường nghe nhạc. Khoảng 01 tiếng sau, cơ quan Công an tới kiểm tra, thu giữ những vật chứng như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số 152/CT-VKSTP ngày 10/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng quyết định truy tố các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức H, Lý Minh C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; truy tố các bị Cáo Nông Văn D, Nông Đức H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa

Các bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội. Ngoài ra Nông Đức H khai đối với chiếc xe mô tô màu đen, biển kiểm soát 11B1-384.07 bị thu giữ H chỉ sử dụng làm phương tiện đi lại chung của cả gia đình, thời điểm nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng H đang sử dụng xe nên đưa D đi mua ma túy. Mặc dù chiếc xe đăng ký tên của bị cáo nhưng tiền mua xe là của gia đình nên bị cáo đề nghị được trả lại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố và trình bày quan điểm về hướng giải quyết vụ án như sau: đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện nên cần xử lý nghiêm trước pháp luật và việc . Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Ngoài ra, bị cáo Nông Văn D có bố là người có công với cách mạng, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự phân công cụ thể, rõ ràng nên phải chịu hình phạt tương đương nhau. Mặt khác khối lượng ma túy các bị cáo tàng trữ không lớn nên có thể áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Nông Văn D, xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 8 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Nông Đức H, xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 8 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Lý Minh C1, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về vật chứng của vụ án: đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy và các vật chứng không còn giá trị sử dụng. Tiền và điện thoại di động các bị cáo sử dụng làm công vụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô của bị cáo Nông Đức H bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại là chính, mặc dù đăng ký xe mang tên bị cáo nhưng tiền mua xe là của bố mẹ bị cáo và chiếc xe là phương tiện đi lại chung của cả gia đình

nên cần trả lại chiếc xe cho bị cáo. Đối với xe mô tô của bị cáo Lý Minh C1 cũng chỉ sử dụng làm phương tiện đi lại nên cần trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo đều nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng nên không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đều tỏ thái độ ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo phù hợp nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: biên bản bắt người phạm tội quả tang do đội cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố C lập hồi 18 giờ 40 phút ngày 25/3/2024 và các vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 25/3/2024 tổ công tác đội cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thành phố C phát hiện tại nhà của Nông Văn D (số nhà G, tổ I, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có 1,115g (Một phẩy một một năm gam) Ketamin do Nông Văn D, Nông Đức H và Lý Minh C1 cùng thống nhất góp tiền mua về sử dụng. Trong đó Nông Đức H đã liên hệ với người bán ma túy, sau đó chở Nông Văn D đi mua 03 viên ma túy tổng hợp và 01 “chỉ” Ketamine với tổng số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi mua được ma túy D và H đi về phòng của D ở tầng 02 số nhà G, tổ I, phường S, thành phố C để cùng sử dụng ma túy. D dùng điện thoại của H gọi điện cho C1 đến nhà để sử dụng ma túy, chuẩn bị công cụ gồm: đĩa sứ, thẻ ATM, quần tờ tiền thành ống hút; còn H dùng thẻ ATM của D để trọng ma túy nhằm đưa chất ma túy vào cơ thể của mình và người khác.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được việc làm của mình bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng,

tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức H, Lý Minh C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

g) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 01 gam đến dưới 20 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn D và Nông Đức H là rất nghiêm trọng; hành vi của bị cáo Lý Minh C1 là nghiêm trọng, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

Các bị cáo phạm tội trong trường hợp là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ cụ thể trong đó cả 3 bị cáo đều thống nhất góp tiền mua ma túy về sử dụng. Bị cáo Nông Văn D và Nông Đức H đều

là người thực hành đối với tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, trong đó Nông Văn D trực tiếp giao dịch mua ma túy, cung cấp địa điểm, công cụ, phương tiện và ứng ra số tiền nhiều nhất để đi mua ma túy; Nông Đức H cũng ứng tiền trước để mua ma túy, gọi điện cho người bán ma túy và dùng thẻ ATM của D để trộn ma túy. Hội đồng xét xử nhận định, bị cáo D có vai trò lớn hơn nên phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo H.

Nhân thân: các bị cáo đều chưa từng có tiền án, tiền sự.

Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nông Văn D có bổ là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4]. Hình phạt chính:

Các bị cáo đều phạm tội nghiêm trọng đến rất nghiêm trọng nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Tuy nhiên, sau khi đánh giá vai trò của từng bị cáo tại phần [3] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo D có vai trò lớn hơn nên phải chịu hình phạt cao hơn so với bị cáo H.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy vì là vật bị cấm tàng trữ, lưu hành; số tiền 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) và điện thoại di động các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô của bị cáo Nông Đức H bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại là chính, mặc dù đăng ký xe mang tên bị cáo nhưng tiền mua xe là của gia đình và chiếc xe là phương tiện đi lại chung của cả gia đình nên cần trả lại chiếc xe cho bị cáo. Đối với xe mô tô của bị cáo Lý Minh C1 cũng chỉ sử dụng làm phương tiện đi lại nên cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Các nhận định khác:

Về nguồn gốc số ma túy, Nông Đức H khai mua với một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ, quá trình mua bán không ai biết và chứng kiến nên không có căn cứ kiến nghị mở rộng vụ án.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế của bị cáo, nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của các bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nông Văn D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Nông Văn D 01 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 07 năm 03 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 08 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/3/2024.

1.2. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nông Đức H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Nông Đức H 01 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 07 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 08 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/3/2024.

1.3. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lý Minh C1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt Lý Minh C1 01 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/3/2024.

2. Về xử lý vật chứng

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: Tang vật cân quả tang Nông Văn D, SN 1990, HKTT: tổ I, P. S, TP ., tỉnh Cao Bằng và đồng phạm. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy (Kèm theo Kết luận giám định số 221/KL-KTHS, ngày 01/4/2024 của Phòng K - Công an tỉnh C; 01 (Một) đĩa sứ tròn màu trắng; 01 (Một) chiếc thẻ ngân hàng A màu xanh có tên

NONG VAN DUNG; 01 (Một) vỏ bao thuốc lá màu vàng đen bên ngoài ghi chữ “White horse” đã bị rách; 01 (Một) gói nilon trong suốt.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) đựng trong 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “Tiền Việt Nam: 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) Nông Văn D” (Kèm theo Kết luận giám định số 507/KL-KTHS, ngày 06/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh C).

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động màu tím, màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ Redmi, có số IMEI (theo quyết định chuyển vật chứng): 865742043840751, điện thoại cũ đã qua sử dụng, mặt sau bị nứt vỡ. Do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy; 01 (Một) điện thoại di động màu xanh (thực tế nhận màu xám) màn hình cảm ứng, số IMEI (theo quyết định chuyển vật chứng): 353902106179351, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Do điện thoại không khởi động được nên không kiểm tra thực tế được số IMEI trong máy.

- Trả lại cho bị cáo Nông Đức H 01 (Một) xe mô tô màu đen, bên ngoài có chữ NVX, biển kiểm soát 11B1-384.07; số khung RLCSED310KY026426; số máy E3Y6E026432. Qua kiểm tra thực tế khi nhận: xe cũ đã qua sử dụng, do xe đã cũ nên một số bộ phận của xe đã bị han gỉ yếm bạc màu. Xe có số khung số máy trùng khớp với phiếu trả lời xác minh xe ngày 23/7/2024 của Công an thành phố C cung cấp (xe có 01 chìa khoá kèm theo).

- Trả lại cho bị cáo Lý Minh C1 01 (Một) xe mô tô màu đen, bên ngoài có chữ Jupiter, biển kiểm soát 29K1-621.50; số khung RLCUE1340GY029142; số máy E3S1E061608. Qua kiểm tra thực tế ghi nhận: xe cũ đã qua sử dụng, do xe đã cũ nên một số bộ phận của xe đã bị han gỉ. Xe có số khung số máy trùng khớp với phiếu trả lời xác minh xe ngày 23/7/2024 của Công an thành phố C cung cấp (xe có 01 chìa khoá kèm theo).

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng số 175 ngày 23 tháng 9 năm 2024.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nông Văn D, Nông Đức H, Lý Minh C1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền